

Bản án số: 180/2019/DS-PT
Ngày: 22 - 10 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng góp hội.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hồng
Ông Nguyễn Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến - Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2019/TLPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2019 về việc “tranh chấp hợp đồng góp hội”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DSST ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 186/2019/QĐPT-DS ngày 16 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tô Thị B; Cư trú tại: Ấp A, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H; Ông Nguyễn Thanh T; Ấp A, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Thanh T: Bà Nguyễn Thị Thu H (Văn bản ủy quyền ngày 04/10/2018).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị Ngọc M; Cư trú tại: Đường Đ, phường H, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H và bị đơn ông Nguyễn Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/6/2018 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Tô Thị B trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thu H là hội viên tham gia 04 dây do bà làm đầu thảo, cụ thể các dây hội như sau:

1. Dây hội thứ nhất: Lập ngày 22/11/2013 âm lịch (nhằm ngày 24/12/2013 dương lịch), đến ngày 22/9/2015 âm lịch (nhằm ngày 05/11/2015 dương lịch) mãn hội, loại hội 5.000.000 đồng, hội có hưởng hoa hồng, gồm 24 phần, mỗi tháng khai hội một lần, bà H tham gia 02 phần.

Bà H hốt hội phần thứ nhất ngày 21/02/2014 với số tiền là 89.900.000 đồng. Phần thứ hai bà H hốt hội vào ngày 22/02/2014, bà H kê 1.150.000 đồng, hốt được số tiền 90.000.000 đồng. Bà B đã giao cho bà H nhận đủ số tiền trên. Sau khi hốt hội bà H đóng hội chết hai chân hội trên đến ngày 22/8/2015 thì ngưng và bà B đã đóng thay cho bà H từ ngày 22/8/2015 âm lịch (nhằm ngày 04/10/2015 dương lịch) đến khi mãn hội 02 kỳ hội chết x 2 phần bằng 20.000.000 đồng.

2. Dây hội thứ hai: Lập ngày 03/7/2014 âm lịch (nhằm ngày 29/7/2014 dương lịch), đến ngày 03/7/2015 mãn hội, loại hội 3.000.000 đồng, có hưởng hoa hồng, gồm 26 phần, mỗi tháng khai hội một lần, bà H tham gia 03 phần.

Phần thứ nhất bà H kê hốt hội vào kỳ thứ nhất ngày 03/7/2014 âm lịch (nhằm ngày 29/7/2014 dương lịch), bà H kê 800.000 đồng và bà H đề nghị bà B cho bà H hốt 2 phần hội còn lại cùng lúc bà B đồng ý châu hội nên xuất tiền giao cho bà H 3 phần hội số tiền là 161.400.000 đồng. Sau khi hốt hội bà H đóng được 13 kỳ hội chết của 3 phần hội với số tiền là 117.000.000.000 đồng thì bà H ngưng và bà B đã đóng thay cho bà H 12 kỳ hội chết với tổng số tiền là 3.000.000 đồng x 3 phần x 12 tháng = 108.000.000 đồng.

3. Dây hội thứ ba: Lập ngày 12/02/2015 âm lịch (nhằm ngày 31/3/2015 dương lịch), đến ngày 22/9/2015 âm lịch (nhằm ngày 05/11/2015 dương lịch)

mãn hội, loại hội 5.000.000 đồng, có hưởng hoa hồng, gồm 24 phần, mỗi tháng khai hội một lần, bà H tham gia 02 phần.

Bà H hốt hội vào kỳ thứ nhất ngày 12/02/2015 âm lịch (nhằm ngày 31/3/2015 dương lịch), bà H kêu 1.200.000 đồng và bà H đề nghị bà B cho hốt thêm phần hội còn lại và bà B đồng ý châu hội nên xuất tiền giao cho bà H 2 phần hội số tiền $85.000.000 \text{ đồng} \times 2 = 170.400.000 \text{ đồng}$. Sau khi hốt hội bà H đóng được 05 kỳ hội chết với số tiền là $5.000.000 \text{ đồng} \times 5 = 25.000.000 \text{ đồng} \times 2 = 50.000.000 \text{ đồng}$ thì bà H ngưng đóng hội chết và bà B đã đóng thay cho bà H 18 kỳ hội chết với tổng số tiền là $5.000.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ phần} \times 18 \text{ tháng} = 180.000.000 \text{ đồng}$.

4. Dây hội thứ tư: Lập ngày 09/6/2015 âm lịch (nhằm ngày 24/7/2015 dương lịch), đến ngày 09/9/2017 âm lịch mãn hội, loại hội 3.000.000 đồng, có hưởng hoa hồng, gồm 29 phần, mỗi tháng khai hội một lần, bà H đang tham gia 02 phần.

Bà H hốt hội vào kỳ thứ nhất ngày 09/6/2015 âm lịch (nhằm ngày 24/7/2015 dương lịch), bà H kêu 720.000 đồng và bà H đề nghị bà B cho hốt thêm phần hội còn lại và bà B đồng ý châu hội nên xuất tiền giao cho bà H 2 phần hội số tiền $62.600.000 \text{ đồng} \times 2 = 125.200.000 \text{ đồng}$. Sau khi hốt hội bà H đóng được 01 kỳ hội chết với số tiền là $3.000.000 \text{ đồng} \times 2 = 6.000.000 \text{ đồng}$ thì bà H ngưng đóng hội chết và bà B đã đóng thay cho bà H 27 kỳ hội chết với tổng số tiền là $3.000.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ phần} \times 27 \text{ tháng} = 162.000.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng bà B đã đóng choàng tiền hội chết cho bà H 04 dây hội tính đến ngày 09/9/2017 âm lịch (nhằm ngày 28/10/2017 dương lịch) với số tiền là 470.000.000 đồng và số tiền hội cũ còn nợ là 54.000.000 đồng.

Tuy nhiên, bà H đã trả được cho bà số tiền 124.000.000 đồng cụ thể như sau: ngày 12/02/2016 âm lịch trả 15.000.000 đồng, ngày 19/3/2016 âm lịch trả 30.000.000 đồng, ngày 12/4/2016 âm lịch trả 20.000.000 đồng, ngày 26/6/2017 trả 25.000.000 đồng, ngày 26/6/2017 âm lịch trả 25.000.000 đồng, ngày 20/12/2016 âm lịch trả 4.000.000 đồng, ngày 17/3/2017 âm lịch trả 10.000.000 đồng, ngày 15/10/2017 âm lịch trả 5.000.000 đồng, ngày 15/11/2017 âm lịch trả 5.000.000 đồng, ngày 21/12/2017 âm lịch trả 5.000.000 đồng, ngày 21/01/2018 âm lịch trả 5.000.000 đồng.

Như vậy, vợ chồng bà H còn nợ lại bà số tiền nợ hội là 400.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền nợ hội là 400.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 09/9/2017 âm lịch (nhằm ngày 28/10/2017) đến ngày

09/4/2018 là 07 tháng với mức; lãi suất 1%/tháng = 28.000.000 đồng, tổng cộng vốn lãi là 428.000.000 đồng.

Đối với số tiền bà cho bà H vay 400.000.000 đồng ngày 20/5/2015 và ngày 25/5/2015 không có làm biên nhận nợ và số tiền 200.000.000 đồng nhận chuyển nhượng phần đất thửa 325, diện tích 104,8m², tọa lạc tại ấp T, xã L, thì bà B xin rút lại yêu cầu, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại bản khai ý kiến ngày 21/7/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà thừa nhận có tham gia 04 dây hụi do bà Tô Thị B làm đầu thảo, các dây hụi bà kêu đầu hốt và bà có đề nghị bà B cho bà hốt hết các chân hụi trong dây cùng một lúc bà B tự bỏ tiền ra châu hụi. Sau đó, bà có góp hụi chết cho bà B một phần thì ngưng và bà B đã đóng thay cho bà 4 dây hụi trên đến ngày 09/9/2017 âm lịch (nhằm ngày 28/10/2017 dương lịch) là 470.000.000 đồng. Ngoài ra, bà còn nợ bà B 54.000.000 đồng tiền hụi khác. Tổng cộng nợ hụi các khoản là 524.000.000 đồng.

Trong năm 2015, do nhiều người thiếu tiền bà không trả nên bà bị vỡ nợ, khi này bà B đến yêu cầu tính tiền nợ các dây hụi và nói sẽ đóng hụi chết thay cho bà nhưng bà B cho rằng số tiền góp hụi là tiền của chị Nguyễn Thị Ngọc M cho bà B mượn nên bà B yêu cầu bà H viết biên nhận ngày 18/6/2015, nội dung ghi bà có mượn bà M số tiền 500.000.000 đồng, bà H có ký tên vào biên nhận. Mục đích viết biên nhận để bà M về đưa cho chồng bà M tin tưởng, còn lại số tiền 24.000.000 đồng bà B không yêu cầu bà viết biên nhận. Khi viết biên nhận bà B có nói với bà là bắt đầu năm 2016 sẽ cho bà trả dần số tiền nợ hụi 500.000.000 đồng theo biên nhận. Sau đó, từ ngày ngày 12/02/2016 âm lịch đến ngày 21/01/2018 âm lịch bà đã trả tiền cho bà B được mười lần tiền với tổng số tiền là 124.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu Tòa án xác định khoảng tiền nợ hụi 524.000.000 đồng và số tiền 500.000.000 đồng theo biên nhận nợ lập ngày 18/6/2015 là một nếu buộc trả nợ hụi 524.000.000 đồng thì bà sẽ không đồng ý trả tiền 500.000.000 đồng theo biên nhận. Và yêu cầu khấu trừ số tiền 124.000.000 đồng bà đã trả dần vào khoản tiền nợ hụi. Như vậy, bà chỉ còn nợ bà B trước sau 400.000.000 đồng và đồng ý trả khoản tiền này, bà không đồng ý trả lãi khoản tiền trên theo yêu cầu của bà B vì hiện tại hoàn cảnh gia đình bà khó khăn, không có khả năng trả thêm tiền lãi.

Tại bản khai ý kiến ngày 21/7/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Việc tham gia chơi hụi và vay tiền ký biên nhận giữa bà H, bà B và bà M thì ông hoàn toàn không biết. Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà B về việc yêu cầu ông liên đới cùng với bà H trả tiền nợ hụi và tiền lãi là 428.000.000 đồng.

Tại bản khai ý kiến ngày 15/11/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:

Ngày 18/6/2015, bà H có vay của bà số tiền 500.000.000 đồng, khi vay có làm biên nhận do bà H viết và ký tên, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn vay đến cuối năm 2015. Sau khi vay bà H có trả cho bà 01 lần tiền lãi là 15.000.000 đồng. Khi hết thời hạn vay tiền bà có đến gặp ông T để yêu cầu trả lại số tiền vay nhưng đến nay bà H và ông T vẫn chưa trả nên bà đã khởi kiện yêu cầu bà H và ông T trả lại số tiền vốn vay là 500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/5/2018 với mức lãi suất là 1%/tháng là 145.000.000 đồng, tổng cộng vốn lãi là 645.000.000 đồng. Số tiền bà H nợ hụi của bà B không liên quan gì đến số tiền bà H mượn của bà ngày 18/6/2015.

Yêu cầu khởi kiện của bà Mai đã được Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm thụ lý bằng một vụ án dân sự khác thụ lý số 113/TLST-DS ngày 28/6/2018.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DSST ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 227, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 357, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thị B.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Tô Thị B số tiền nợ hui là 400.000.000 đồng và tiền lãi là 28.000.000 đồng, tổng cộng là 428.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thị B về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T phải trả số tiền vay 400.000.000 đồng vào ngày 20/5/2015 và ngày 25/5/2015 và số tiền 200.000.000 đồng nhận chuyển nhượng phần đất thừa số 325, diện tích 104,8m² tọa lạc tại ấp T, xã L.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý trả cho bà B số tiền nợ hui và tiền lãi là 428.000.000 đồng.

Ngày 28/5/2019, ông Nguyễn Thanh T kháng cáo với nội dung không đồng ý liên đới cùng bà H trả số tiền nợ hui của bà B.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà H thừa nhận chỉ nợ bà B tiền hui tổng cộng 524.000.000 đồng nhưng sau đó trả được 124.000.000 đồng, còn nợ lại 400.000.000 đồng nên đồng ý trả số tiền hui còn nợ trên cho bà B nhưng không đồng ý trả lãi theo án sơ thẩm vì hiện nay gia đình bà gặp khó khăn. Số tiền 500.000.000 đồng bà lập biên nhận ngày 18/6/2015 ghi nợ chị Nguyễn Thị Ngọc M thực tế bà không có nhận tiền hay vay mượn tiền chị M mà bà lập biên nhận theo yêu cầu bà B. Đề nghị Tòa án xác định hai khoản tiền hui và biên nhận nợ 500.000.000 đồng là một và bà chỉ đồng ý trả tiền hui chết còn nợ không đồng ý trả tiền biên nhận nợ chị M.

Bà B không đồng ý theo yêu cầu của bà H và xác định giao dịch tiền hui và việc bà B nợ tiền chị M là hai khoản khác nhau. Bà B đồng ý xác định lại mức lãi suất cơ bản 0,75%/ tháng và thời gian tính lãi từ ngày 09/9/2017 âm lịch (nhằm ngày 28/10/2017 dương lịch) đến ngày 09/4/2018 tương đương 5 tháng 11 ngày bằng số tiền 16.100.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 2 điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của bà H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng điều chỉnh lại mức lãi suất và thời gian tính lãi cho phù hợp pháp luật. Không chấp nhận kháng cáo của ông T, buộc ông T, bà H có trách nhiệm liên đới trả cho bà B số tiền hui 400.000.000 đồng và lãi phát sinh 16.100.000 đồng. Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc M được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị M.

[2] Về số tiền nợ hui: Tại phiên tòa bà H thừa nhận bà tham gia chơi 4 dây hui gồm 9 phần hui do bà B làm đầu thảo. Bà H đã hót 4 dây hui gồm 9 phần hui và đóng hui chết cho đến ngày 22/9/2015 âm lịch (nhằm ngày 05/11/2015) thì ngưng đóng. Sau đó, bà B đã đóng hui chết thay cho bà 9 phần hui đến khi mãn hui ngày 09/9/2017 âm lịch (nhằm ngày 28/10/2017 dương lịch), tổng số tiền là 470.000.000 đồng. Ngoài ra, bà còn nợ bà B số tiền 54.000.000 đồng tiền hui khác. Tổng cộng nợ hui các khoản là 524.000.000 đồng. Và từ ngày 12/02/2016 âm lịch đến ngày 21/01/2018 âm lịch bà đã trả cho bà B 10 lần tiền với tổng số tiền là 124.000.000 đồng. Vì vậy, bà thừa nhận hiện nay còn nợ tiền hui bà B 400.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà B đối với số tiền trên được chấp nhận.

[3] Về tiền lãi: Bà H kháng cáo không đồng ý trả lãi vì hiện nay hoàn cảnh gia đình bà gặp khó khăn. Xét theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường thì bà H phải có nghĩa vụ phải trả lãi cho bà B đối với phần hui chậm trả là có căn cứ. Tại phiên tòa, bà B đồng ý điều chỉnh tính theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định là 0,75%/ tháng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về thời gian tính lãi, tại phiên tòa bà B thừa nhận từ trước đến nay bà yêu cầu bà H trả lãi 4 dây hui chết bà góp thay cho bà H từ ngày 09/9/2017 âm lịch đến ngày 09/4/2018 tương đương 07 tháng và được án sơ thẩm chấp nhận. Tuy nhiên, đối chiếu theo ngày dương lịch thì ngày 09/9/2017 âm lịch (nhằm ngày 28/10/2017 dương lịch) đến ngày 09/4/2018 là 5 tháng 11 ngày. Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của bà H điều chỉnh lại phần lãi như sau:

$400.000.000 \text{ đồng} \times 5 \text{ tháng} \times 11 \text{ ngày} \times 0,75\% / \text{tháng} = 16.100.000 \text{ đồng}$

[4] Xét kháng cáo của ông T không đồng ý liên đới cùng bà H trả số tiền nợ hui trên. Tại phiên tòa, bà H thừa nhận số tiền hui bà hót được dùng để làm vốn kinh doanh cho người khác vay lại để hưởng chênh lệch lãi nhằm phục vụ sinh hoạt gia đình. Thời điểm nhận các phần hui trên bà H và ông T là vợ chồng nên căn cứ Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì bà H và ông T phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà B số tiền 400.000.000 đồng tiền và số lãi 16.100.000 đồng. Do đó, ông T kháng cáo không đồng ý liên đới cùng bà H trả số tiền trên là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa, bà H cho rằng số tiền 500.000.000 đồng bà H ghi biên nhận nợ của chị M theo biên nhận ngày 18/6/2015 là không có thật. Bà H cho rằng bà không có mượn tiền chị M và không có nhận số tiền 500.000.000 đồng từ chị M. Biên nhận trên bà ghi theo yêu cầu bà B và số tiền này là khoản tiền nợ hui chết của bà B do bà B hứa sẽ đóng thay cho bà đến khi mãn hui nên bà B yêu cầu lập biên nhận trên. Bà H yêu cầu xem xét khoản tiền bà nợ hui bà B 524.000.000 đồng và biên nhận nợ trên là một. Nếu tòa buộc bà trả tiền hui thì bà không phải trả tiền 500.000.000 đồng cho chị M. Tuy nhiên, bà B và chị M đều không thừa nhận lời trình bày của bà H. Xét số tiền 500.000.000 đồng tại cấp sơ thẩm chị M không có yêu cầu độc lập mà chị M khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác được Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm thụ lý, giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Tuy nhiên, ngày 14/10/2019 chị M đã có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với vụ án tranh chấp trên và được bị đơn bà H đồng ý nên Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm đã ra Quyết định đình chỉ số 106/2019/QQĐST-DS, ngày 14/10/2019. Do đó, bà H yêu cầu cấp phúc thẩm khấu trừ hai khoản tiền thành một là không thuộc phạm vi xét xử của cấp phúc thẩm.

[6] Về án phí: Bà H, ông T phải chịu án phí án phí dân sự sơ thẩm là $416.100.000 \text{ đồng} = 20.000.000 \text{ đồng} + 4\% (416.100.000 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng}) = 20.644.000 \text{ đồng}$.

Bà H, ông T không phải chịu án phí án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 600.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm sẽ được khấu trừ.

Bà B phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Tuy nhiên bà B sinh năm 1959 đến nay đã tròn 60 tuổi là người cao tuổi nên được miễn án phí. Số tiền bà B nộp tạm ứng án phí 19.174.000 đồng theo biên lai thu số 9028 ngày 28/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm hoàn trả cho bà B.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thị B về số tiền vay 400.000.000 đồng và số tiền 200.000.000 đồng nhận chuyển nhượng đất không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 357, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H và bị đơn ông Nguyễn Thanh T; sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DSST ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thi B.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh T phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Tô Thị B số tiền nợ hui là 400.000.000 đồng và tiền lãi là 16.100.000 đồng, tổng cộng là 416.100.000 đồng (bốn trăm mười sáu triệu một trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí:

Bà H, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.644.000 đồng và không phải chịu án phí án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 600.000 đồng theo các biên lai thu số 9876, 9875 ngày 29/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm sẽ được khấu trừ. Sau khi khấu trừ bà

H, ông T còn phải nộp tiếp số tiền 20.044.000 đồng (Hai mươi triệu không trăm bốn mươi bốn ngàn đồng).

Bà B là người cao tuổi nên được miễn án phí. Số tiền bà B nộp tạm ứng án phí 19.174.000 đồng theo biên lai thu số 9028 ngày 28/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm hoàn trả cho bà B.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thị B về số tiền vay 400.000.000 đồng và số tiền 200.000.000 đồng nhận chuyển nhượng đất không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND H.VL: 01;
- VKSND H.VL: 01;
- Chi Cục THADS H.VL: 01;
- Đương sự: 04;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Sơn Nữ Phà Ca